

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2024/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Bắc, ngày 29 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L** - Sinh năm: 1977, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Bị đơn: Ông **Trần Văn P** - Sinh năm: 1973; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị L với ông Trần Văn P.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Trần Văn P thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) *Về con chung*: Hai người con chung giữa bà Võ Thị L với ông Trần Văn P là: Trần Thị Tuyết N - Sinh ngày 13/4/2000 và Trần Thị Như H - Sinh ngày 25/9/2004 đều đã thành niên, có khả năng lao động; bà L, ông P không có yêu cầu gì liên quan đến các con nên không xem xét, giải quyết.

2.3) *Về tài sản chung*: Bà Võ Thị L, ông Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) *Về nợ chung*: Bà Võ Thị L, ông Trần Văn P trình bày là không có nên không xem xét, giải quyết.

2.5) *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Võ Thị L tự nguyện nhận chịu 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003081 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho bà L số tiền chênh lệch là 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Thanh Tân (Giấy chứng nhận kết hôn số: 10/KH/97, quyền số 04, đăng ký ngày 28/3/1997);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên